

Bản án số: 18/2020/KDTM-ST

Ngày 01-12-2020

“V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-KDTM ngày 04/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn V

Địa chỉ trụ sở: 267B đường D, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thế S, chức vụ: Giám đốc.(có mặt)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng B. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: 46 Đường số 7, Cư xá B, phường 8, quận 11, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở hiện nay: Tầng 5, Tòa nhà H, số 2 Bis Công Trường Q, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các văn bản trình bày, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V ông Phan Thế S trình bày:

Vào ngày 03/01/2019 và ngày 02/01/2020, Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) có ký kết 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB và số

09/HĐMB đối với Công ty TNHH Xây dựng B (gọi tắt là Công ty B) để bán thép cho các công trình mà công ty này đang thi công tại Đà Nẵng.

Thực hiện hợp đồng này, công ty chúng tôi đã giao thép cho công trình thuộc dự án Condo2 tại số 107 đường V, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng mà công ty B đang thi công. Tính đến cuối ngày 31/5/2020 Công ty TNHH Xây dựng B còn nợ Công ty V với số tiền là 10.495.549.790đ.

Theo cam kết trong các Hợp đồng mà các bên đã ký thỏa thuận, chỉ cho phép việc thanh toán tiền hàng chậm trả trong thời hạn 90 ngày sau khi nhận hàng. Tuy nhiên, đến thời điểm Công ty TNHH V làm đơn khởi kiện thì Công ty TNHH Xây dựng B đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho công ty chúng tôi đến 170 ngày, mặc dù công ty chúng tôi đã nhiều lần làm văn bản đề nghị thanh toán, đại diện Công ty TNHH Xây dựng B đã hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện nên công ty chúng tôi buộc lòng phải khởi kiện ra Tòa án.

Theo nội dung đơn khởi kiện, Công ty TNHH V khởi kiện đối với Công ty TNHH Xây dựng B và yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH V số tiền mua thép theo 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB ngày 03/01/2019 và Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB ngày 02/01/2020 giữa Công ty TNHH V với Công ty TNHH Xây dựng B để cung cấp thép cho công ty TNHH Xây dựng B thi công công trình thuộc dự án Condo2 tại số 107 đường V, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng mà Công ty B còn nợ Công ty V tính đến ngày 31/5/2020 với số tiền là 10.495.549.790đ (đã được hai bên thống nhất trong Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2020) và tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 31/5/2020 với số tiền là 356.690.019đ (mức lãi này được tính theo mức lãi suất 12%/năm). Tổng cộng số tiền Công ty V yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Công ty V là 10.852.239.809đ. Ngoài ra, Công ty V còn đề nghị Công ty B tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh sau khi có bản án của Tòa án.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 01/12/2020 (ngày xét xử) thì số tiền mà Công ty V yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng B phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm cho đến ngày xét xử). Tổng cộng tiền hàng, tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty V yêu cầu là: 11.495.454.579đ. Công ty TNHH V đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải thanh toán số tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán nói trên cho công ty và đề nghị Công ty B tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh sau khi có bản án của Tòa án.

*Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng B đã được Tòa án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây dựng B chỉ có Văn bản trình bày ngày 09/7/2020 V/v giao nộp tài liệu, chứng cứ và xin hoãn phiên hòa giải gửi cho Tòa án và vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án. Với nội dung văn bản

như sau: Công ty TNHH Xây dựng B xác nhận đã nhận được Thông báo số 24/TB-TA ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ trong vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 08/6/2020 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán do vi phạm hợp đồng*”. Công ty B cung cấp một số tài liệu chứng cứ kèm theo văn bản ngày 09/7/2020 và đề nghị Tòa án hoãn phiên hòa giải ngày 10/7/2020 để có thời gian thu thập thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh về các nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn Công ty TNHH Xây dựng B đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị xét xử vắng mặt Công ty TNHH Xây dựng B.

Về nội dung: Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2020 đã xác định Công ty B còn nợ tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty V tính đến thời điểm ngày 31/3/2020 về việc thực hiện 02 Hợp đồng mua bán thép (02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB ngày 03/01/2019 và Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB ngày 02/01/2020) với số tiền hàng là 10.495.549.790đ là có căn cứ. Tại Điều 3 của các Hợp đồng nêu trên các bên đã thỏa thuận đối với các khoản tiền chậm thanh toán thì bên có nghĩa vụ còn phải chịu mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng nợ quá hạn của Ngân hàng do vậy mức lãi suất mà Công ty V đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải chịu tính đến ngày xét xử 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm) là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận. Từ những nội dung trên, căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH Xây dựng B. Buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH V số tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm). Tổng cộng tiền hàng, tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty B có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty V là 11.495.454.579đ. Công ty B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi được tính đối với số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 02/12/2020.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH Xây dựng B phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH V khởi kiện đối với Công ty TNHH Xây dựng B yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán liên quan đến 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB ngày 03/01/2019 và Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB ngày 02/01/2020 được ký kết giữa Công ty TNHH V với Công ty TNHH Xây dựng B để cung cấp thép cho công ty TNHH Xây dựng B thi công công trình thuộc dự án Condo2 tại số 107 đường V, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Đây là tranh chấp liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo Hợp đồng, Công ty V cũng đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn là nơi các bên thực hiện Hợp đồng. Căn cứ quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Công ty TNHH V là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30, Điều 35; Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH Xây dựng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Xây dựng B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH V số tiền mua thép còn nợ theo 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB ngày 03/01/2019 và Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB ngày 02/01/2020 được ký kết giữa Công ty TNHH V với Công ty TNHH Xây dựng B để cung cấp thép cho Công ty TNHH Xây dựng B thi công công trình thuộc dự án Condo2 tại số 107 đường V, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tính đến ngày 31/5/2020 với số tiền là 10.495.549.790đ (đã được hai bên thống nhất trong Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2020) và tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 31/5/2020 với số tiền là 356.690.019đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm). Tổng cộng số tiền Công ty V yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Công ty V là 10.852.239.809đ. Ngoài ra, Công ty V còn đề nghị Công ty B tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh sau khi có bản án của Tòa án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty V xác định lại số tiền tính đến thời điểm ngày 01/12/2020 (ngày xét xử) mà Công ty V yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng B phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm). Tổng cộng tiền hàng, tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty V yêu cầu là: 11.495.454.579đ. Công ty

TNHH V đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải thanh toán số tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán nói trên cho công ty và đề nghị Công ty B tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh sau khi có bản án của Tòa án.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng B đã được Tòa án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây dựng B đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập để cung cấp các ý kiến liên quan đến nội dung vụ án.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 03/01/2019 và ngày 02/01/2020, Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) có ký kết 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB và số 09/HĐMB đối với Công ty TNHH Xây dựng B (gọi tắt là Công ty B) để bán thép cho các công trình mà công ty B đang thi công tại công trình mà thuộc dự án Condo2 tại số 107 đường V, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Thực hiện các hợp đồng này, Công ty V đã giao thép cho công trình thuộc dự án Condo2 tại số 107 đường V, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng mà Công ty B đang thi công. Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, phía Công ty V đã xuất bán thép cho Công ty B với dư nợ tiền hàng tổng cộng là 13.687.599.170đ (số dư nợ kỳ đầu 13.281.467.180đ ; dư nợ phát sinh trong kỳ 406.131.990đ), phía Công ty B mới chỉ thanh toán cho Công ty A số tiền 3.192.049.380đ. Tính đến ngày 31/3/2020 thì Công ty TNHH Xây dựng B còn nợ tiền mua thép của Công ty V với số tiền là 10.495.549.790đ được thể hiện theo nội dung Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2020.

Theo cam kết trong các Hợp đồng mà các bên đã ký thỏa thuận, chỉ cho phép việc thanh toán tiền hàng chậm trả trong thời hạn 90 ngày sau khi nhận hàng. Tuy nhiên, đến thời điểm Công ty TNHH V làm đơn khởi kiện thì Công ty TNHH Xây dựng B đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty V đến 170 ngày, mặc dù Công ty V đã nhiều lần làm văn bản đề nghị thanh toán và đại diện phía Công ty TNHH Xây dựng B đã hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện nên Công ty V phải khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Công ty B thanh toán tiền hàng còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại các Hợp đồng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH V xác định lại số tiền tính đến thời điểm ngày 01/12/2020 (ngày xét xử) mà Công ty V yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng B phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm). Tổng cộng tiền hàng, tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty V yêu cầu Công ty TNHH Xây Dựng phải thanh toán là: 11.495.454.579đ.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy:

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2020 đã xác định Công ty B còn nợ tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty V tính đến thời điểm ngày 31/3/2020 về việc thực hiện 02 Hợp đồng mua bán thép (02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB ngày 03/01/2019 và Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB ngày 02/01/2020) với số tiền hàng là 10.495.549.790đ là có căn cứ.

Tại Biên bản làm việc ngày 28/4/2020, các bên cũng đưa ra phương án thanh toán tiền hàng cho Công ty V theo từng phân kỳ bắt đầu từ tháng 5/2020 cho đến tháng 9/2020, và phân kỳ đầu là tháng 5.2020 sẽ Công ty B sẽ thanh toán số tiền 2.099.109.958đ cho Công ty B. Cũng tại văn bản nêu trên phía Công ty B đã cam kết nếu như công ty B có vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty V có quyền yêu cầu pháp luật giải quyết tranh chấp đồng thời Công ty B phải chịu lãi suất chậm thanh toán. Do công ty B không thực hiện việc thanh toán tiền hàng theo đúng thời gian các bên đã cam kết nên Công ty V khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Tại Điều 3 của các Hợp đồng nêu trên các bên đã thỏa thuận đối với các khoản tiền chậm thanh toán thì bên có nghĩa vụ còn phải chịu mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng nợ quá hạn của Ngân hàng do vậy mức lãi suất mà Công ty V đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải chịu tính đến ngày xét xử 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm) là phù hợp với thỏa thuận các bên đã ký kết trong Hợp đồng và phù hợp mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, yêu cầu của Công ty V là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những nội dung trên, căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH Xây dựng B. Buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH V số tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ. Tổng cộng tiền hàng, tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty B có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty V là 11.495.454.579đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/12/2020) Công ty TNHH Xây dựng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền hàng còn nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[2.5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH Xây dựng B phải chịu là 119.495.454đ (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 59.426.120đ cho Công ty TNHH V.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

- Căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH Xây dựng B. Buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH V số tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 với số tiền là 999.904.789đ (số tiền lãi này tính đối với từng khoản tiền hàng còn nợ tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất 12%/năm cho đến ngày xét xử 01/12/2020). Tổng cộng tiền hàng, tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty B có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty V là 11.495.454.579đ. Công ty B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi tính đối với số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 02/12/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH Xây dựng B phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH V.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005

- Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 30; Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH Xây dựng B về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH V số tiền hàng còn nợ theo 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29/HĐMB ngày 03/01/2019; Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB ngày 02/01/2020 và tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 là 11.495.454.579đ (Mười một tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó số tiền hàng còn nợ 10.495.549.790đ; tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tính đến ngày xét xử 01/12/2020 là 999.904.789đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/12/2020) Công ty TNHH Xây dựng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền hàng còn nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

II. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

-Công ty TNHH Xây Dựng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 119.495.454đ (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng).

-Hoàn trả cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 59.426.120đ đã nộp theo biên lai thu số 0009942 ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

